

Bản án số: 48/2025/HSST
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Quỳnh C**;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Bùi Thị Q**

Bà Hoàng Phương L

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Doãn Khắc Huy H**, Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Bích P** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân quận B tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị T**, sinh năm 2000;

Giới tính: Nữ;

Nơi thường trú và cư trú: Thôn Y, xã ĐX, huyện S, thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông: Bùi Văn S, sinh năm 1976;

Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1979;

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Chồng: Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1999; Có 03 con (con lớn sinh năm: 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2023).

Danh bản và chỉ bản số: 00000063, lập ngày: 06/01/2025, tại: Công an quận B, thành phố Hà Nội.

Tiền án:

- Bản án số 10 ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh BN xử phạt Bùi Thị T 08 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Án đã có hiệu lực pháp luật, hiện bị can đang được hoãn thi hành theo bản án số nêu trên do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đã chấp hành xong án phí và tiền bồi thường thiệt hại.

- Bản án số 58 ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xử phạt Bùi Thị T 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp 08 tháng tù của bản án số 10 ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh BN, buộc T phải chấp hành chung cho cả 02 bản án là 03 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

Tiền sự: Không.

Bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 28/12/2024.

Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà **Đặng Thị Xuân T**, sinh năm: 1977;

Nơi thường trú: TDP ĐN1, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: TDP H, phường Đ, quận B, TP Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thị T là đối tượng nhiều tiền án, hiện đang được hoãn thi hành một bản án và chờ xét xử phúc thẩm một bản án khác, do không có việc làm lại đang nuôi 03 con nhỏ, T nảy sinh ý định đi lang thang đến các chợ truyền thống, tìm cửa hàng có chủ cửa hàng là người lớn tuổi (thường không thông thạo công nghệ thông tin, dễ bị lừa) để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Ngày 22/10/2024, T một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha, BKS: 29K1 – 036.31 đi từ nhà tại thôn Y, xã Đ, huyện S, Hà Nội đi lang thang đến khu vực chợ V, phường T, quận B, Hà Nội rồi vào cửa hàng bán chăn ga gối đệm ở số 163 đường K phường T, quận B, Hà Nội của chị Nguyễn Hải Đ (Sinh năm: 1971; Nơi thường trú: TDP L, phường T, B, Hà Nội), giả vờ hỏi mua 10 bộ đệm, ga, lấy lý do điện thoại hết tiền để mượn điện thoại của chị Đ. Mượn được điện thoại, T lén lút kiểm tra phần tin nhắn văn bản phát hiện chị Đ dùng tài khoản của ngân hàng MB bank. Sau đó, T tự lưu số điện thoại 0358748225 của mình vào danh bạ điện thoại của chị Đ với tên “MB bank”, sao chép một vài tin nhắn thông báo biến động số dư của Ngân hàng MB bank thật rồi gửi sang điện thoại của T. Quá trình chờ chị Đ chuẩn bị đệm, T đi sang cửa hàng vàng, bạc ở số X phố K, phường T, quận B, Hà Nội của chị Đặng Thị Xuân T (Sinh năm: 1977; Nơi thường trú: TDP H, phường T, B, Hà Nội) ở đối diện cửa hàng chị Đ thấy hai vợ chồng chị T đang bán hàng, T giả vờ hỏi chị T đổi 50.000.000 đồng tiền mặt sẽ chuyển khoản, thì cả hai đồng ý và nói phí đổi tiền là 50.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục giả vờ hỏi mua 01 lắc vàng trị giá 4.950.000 đồng rồi sẽ chuyển cả tiền mua vàng, tiền đổi và cộng cả phí đổi tiền 50.000 đồng vào tài khoản, vợ chồng chị T đồng ý. Quá trình chờ chị T đếm tiền, T giả vờ quét mã QR số tài khoản chị T rồi báo tài khoản bị lỗi không chuyển được tiền. Lúc này, T đề nghị chuyển tiền vào tài khoản của chị Đ thì cả chị T, chị Đ đều đồng ý. T dùng điện thoại của mình, chỉnh sửa nội dung tin nhắn nhận tiền đã sao chép trộm của chị Đ, sửa thành nhận số tiền 55.000.000 đồng rồi gửi sang số điện thoại của Đ. Thấy tin nhắn văn bản từ “MB bank”, nghĩ là T đã chuyển tiền thật, chị Đ báo chị T đưa cho T 50.000.000 đồng. Nhận được tiền, T giả vờ đếm kiểm tra rồi cất vào túi áo, nhân lúc chị T không để ý T phóng xe tẩu thoát theo hướng đê sông H rồi rẽ Cầu N đi về nhà. Trên đường về, T bán chiếc lắc vàng vừa lừa đảo được cho một cửa hàng vàng, bạc (không nhớ địa chỉ cụ thể) được

3.200.000 đồng, rồi rút bỏ BKS xe máy cùng sim điện thoại tại xã Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội (do thời gian đã lâu không nhớ vị trí cụ thể). Khi T bỏ đi, chị Đặng Thị Xuân T và chị Nguyễn Hải Đ kiểm tra điện thoại thấy không nhận được tiền, biết mình bị lừa nên ngày 28/10/2024, chị T đến Công an phường T, quận B trình báo nội dung sự việc như trên. Căn cứ lời khai nhận của T cùng các tài liệu điều tra, ngày 28/12/2024, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B đã thi hành lệnh giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thị T.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Thị T khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên. Số tiền có được do lừa đảo T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ do chị Đặng Thị Xuân T giao nộp: 01 USB trích xuất nội dung từ camera tại cửa hàng vàng bạc số X đường K, phường T, B, Hà Nội của gia đình chị T.

Thu giữ của Bùi Thị T: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh than, không mang BKS, số khung: RLHJA3928NY170770; số máy: JA39E-2667747 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu hồng lắp sim có số thuê bao 0335505200, đã qua sử dụng.

Công văn số 7086 ngày 19/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B phúc đáp cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B như sau: Chưa đủ cơ sở để định giá đối với tài sản là: *“01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, không có hóa đơn mua bán, không có giấy đảm bảo vàng, không thu giữ được vật chứng, chỉ có hình ảnh do người tố giác cung cấp”*.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave Alpha; màu: xanh - than, không đeo biển kiểm soát, số khung: RLHJA3928NY170770; số máy: JA39E-2667747, tại Cơ quan điều tra, Bùi Thị T khai: mua chiếc xe máy trên của một người qua mạng xã hội với giá 10.000.000 đồng nhưng T mới trả 5.000.000 đồng nên người bán chưa giao giấy tờ xe. Qua xác minh xác định chủ đăng ký là anh Đặng Văn X (SN 1984; Nơi thường trú: Bản HT, CY, VH, SL), không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Tại Cơ quan điều tra, anh X khai: năm 2022 anh mua, đăng ký chiếc xe trên làm phương tiện đi lại, đến năm 2023, đã bán chiếc xe trên từ cho một người qua đường không quen biết, hiện không biết ai sử dụng, không liên quan và không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe máy trên. Giám định số khung, số máy đều nguyên thủy (kết luận giám định số 1015/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hà Nội). Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu 03 lần nhưng chưa xác định được chủ sở hữu của xe máy có số khung, số máy trên nên đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu hồng lắp sim có số thuê bao 0335505200 để giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với 01 USB lưu giữ nội dung vụ việc được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: chị Đặng Thị Xuân T yêu cầu Bùi Thị T bồi thường số tiền 55.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKSBLT ngày 20/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị T thành khẩn khai báo các tình tiết vụ án, thừa nhận bản cáo trạng truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo:

Khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội danh, khung hình phạt và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Tuyên bố bị cáo:* Bùi Thị T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38, điều 56 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Bùi Thị T mức án từ 36 (*Ba mươi sáu*) đến 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 08 tháng (*Ba năm tám tháng*) tù của bản án số 58/2024/HSST ngày 30/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh VP.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Thị T phải chấp hành hình phạt từ 06 năm 08 tháng (*sáu năm tám tháng*) đến 07 năm 02 tháng (*Bảy năm hai tháng*) tù. Hạn tù tính từ ngày bắt 28/12/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- *Về dân sự:* Buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Thị Xuân T số tiền: 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

- *Về vật chứng:* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu hồng lấp sim có số thuê bao 0335505200, đã qua sử dụng;

+ Tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh than, không mang BKS, số khung: RLHJA3928NY170770; số máy: JA39E-2667747 đã qua sử dụng và thông báo tìm chính chủ trên các phương tiện thông tin đại chúng và xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, mong muốn được Tòa án xét giảm ở mức độ nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ, rõ ràng về các hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai chính của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, tại cửa hàng vàng bạc ở số X phố K, phường T, quận B, Hà Nội của chị Đặng Thị Xuân T, Bùi Thị T dùng thủ đoạn gian dối giả vờ mua 01 lắc vàng với giá 4.950.000 đồng, giả vờ đổi 50.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng 55.000.000 đồng (bao gồm 50.000 đồng phí đổi tiền) thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản của chị Nguyễn Hải Đ (đối diện nhà chị T) để chị T tin tưởng giao cho T 01 lắc vàng, tiền mặt 50.000.000 đồng rồi T chiếm đoạt tài sản trên. Hiện không thu hồi được chiếc lắc vàng, số tiền 50.000.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu hoàn thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Do đó, bản cáo trạng số: 40/CT-VKS BTL ngày 20/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm pháp luật nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị giáo dục bằng pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn cách ly bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội. Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. *Về dân sự:* Bị hại bà Đặng Thị Xuân T yêu cầu bị cáo Bùi Thị T bồi thường số tiền: 55.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là yêu cầu hợp pháp của bị hại nên chấp nhận

[7]. *Về vật chứng:* Hội đồng xét xử chấp nhận về việc xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[8]. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Bùi Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt :* Bị cáo Bùi Thị T **38** (Ba mươi tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù theo Bản án số: 58/2024/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh VP, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là: 06 năm 10 tháng (Sáu năm mười tháng) tù .

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 28/12/2024.

2. Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Về dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Thị Xuân T số tiền: 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên của chị T, nếu bị cáo không thi hành thì phải chịu một khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.2. Về vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6s Plus màu hồng lấp sim có số thuê bao 0335505200, đã qua sử dụng;

+ Tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh than, không mang BKS, số khung: RLHJA3928NY170770; số máy: JA39E-2667747 đã qua sử dụng và thông báo tìm chính chủ trên các phương tiện thông tin đại chúng và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 123/25 ngày 24/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

2.3. Về án phí:

Buộc bị cáo Bùi Thị T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Q. B;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q. B;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu HS – VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quỳnh C